

Bản án số: 270/2024/HSPT

Ngày: 24 - 6 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: ông Phạm Văn Hợp

ông Phạm Ngọc Thái

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Phương Mai, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Chiến, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa trực tuyến xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 193/2024/TLPT-HS ngày 16 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo Hoàng Thị Kim T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; do có kháng cáo của bị cáo, bị hại và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2024/HS-ST ngày 06/03/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

Họ và tên: Hoàng Thị Kim T, sinh ngày: 10 tháng 9 năm 1979 tại Bình Định; nơi cư trú: 1 N, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định; chỗ ở hiện nay: C M, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; con ông: Hoàng Phấn H (chết) và bà Nguyễn Thị P (chết); chồng: Lê Phú T1, sinh năm: 1979; con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2002; tiền án: ngày 29/11/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xử phạt 05 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng, về tội: “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”; tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 07/9/2022, đến ngày 19/01/2023 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; tiếp tục bắt tạm giam từ ngày 29/11/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: bà Phan Thị T2 - Luật sư Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; có đơn xin xét xử vắng mặt; bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa.

- *Bị hại:* chị Văn Thị Thu H, sinh năm: 1982, nơi cư trú: G L, phường L, thành phố Q, Bình Định; có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Văn Thị Thu H: ông Đỗ Hải B - Luật sư Văn Phòng Q thuộc Đoàn luật sư thành phố H; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn Tiến H1, sinh năm: 1994, nơi cư trú: 1 đường L, phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt).

2. Lý Hoàng T3, sinh năm: 1992, nơi cư trú: Khóm T, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).

3. Trần Văn T4, sinh năm: 1982, nơi cư trú: Tổ A, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt).

4. Phạm Hồng S, sinh năm: 1987, nơi cư trú: Tổ E, khu V, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ giữa năm 2020, Hoàng Thị Kim T thường vay tiền của Văn Thị Thu H để làm dịch vụ “đáo hạn ngân hàng” nên quen biết nhau. Đến khoảng giữa tháng 8 năm 2020, do bị mất khả năng thanh toán các khoản vay cá nhân nên T đã dùng nhiều thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của H. Để tạo lòng tin cho H, T nói dối với H có biết nhiều người có xe ô tô nhưng đã thế chấp vay tiền ngân hàng, ngân hàng chỉ giữ bản chính giấy đăng ký xe, người chủ xe vẫn còn giữ chiếc xe và bản sao giấy đăng ký, bản chính giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật (đăng kiểm) và có nhu cầu muốn vay thêm tiền, hỏi H có đồng ý cho vay không. Điều kiện cho vay là người vay sẽ giao chiếc xe cùng các loại giấy tờ trên cho H giữ làm tin, khi nào trả tiền sẽ lấy lại, lãi suất cho vay 6%/tháng, tiền lãi sẽ trừ trước 01 tháng vào tiền gốc. Việc cho vay này hai bên sẽ cùng lập “Hợp đồng cho vay” và “Hợp đồng cho thuê xe” theo mẫu được in sẵn. Ở “Hợp đồng cho

vay” người vay tiền sẽ ký tại mục “Bên vay”, còn T sẽ ký tại mục “Xác nhận của bên thứ 3” với tư cách là người làm chứng, tại mục “Bên cho vay” sẽ để trống thông tin; Ở “Hợp đồng cho thuê xe” thì người vay tiền sẽ ký tại mục “Bên cho thuê”, còn mục “Bên thuê” sẽ để trống thông tin. T là người trực tiếp ghi thông tin trên các hợp đồng tại các mục cần thiết theo mẫu in sẵn. T giải thích mục đích làm như vậy để trong trường hợp H cần chuyển các khoản nợ cho vay này sang cho người khác thì chỉ cần giao lại các hợp đồng cũ chứ không cần phải lập hợp đồng khác. T nói với H nếu đồng ý cho vay thì vừa có tiền lãi, vừa có xe ô tô để đi lại hoặc có thể cho thuê xe tự lái kiếm thêm tiền. H tin tưởng lời T nói là thật nên đồng ý, mỗi chiếc xe như vậy sau khi giao dịch xong H cho T vài triệu đồng.

Với phương thức, thủ đoạn như nêu trên, từ tháng 8 năm 2020 đến tháng 11 năm 2020, T đã giao cho H 03 chiếc xe ô tô để lấy tiền, sau đó T lấy lại 03 chiếc xe ô tô này đem bán cho người khác và chiếm đoạt tiền của của H. Cụ thể như sau:

- *Chiếc thứ nhất:* Trước ngày 19/8/2020 vài ngày, T nói dối với H có ông Lý Hoàng T3 cần vay số tiền 370.000.000 đồng, sẽ giao xe ô tô biển số 83A-082.98, nhãn hiệu Honda City; đồng thời T đưa hình ảnh xe cho H xem, H tin là thật nên đồng ý. Ngày 19/8/2020 T mang giao chiếc xe trên cho H, kèm theo bản sao đăng ký, bản chính đăng kiểm xe, “Hợp đồng cho vay” và “Hợp đồng cho thuê xe” được lập theo dạng viết vào mẫu in sẵn, có ghi ngày 19/8/2020. Thoa nhắn tin cho H trừ lãi 1 tháng của số tiền gốc 370.000.000 đồng là 22.000.000 đồng nên H chỉ cần chuyển khoản cho T 348.000.000 đồng. H đã đưa cho T số tiền 348.000.000 đồng. Thời gian sau đó, T đưa tiếp cho H 2 lần, mỗi lần 22.000.000 đồng, T nói dối đó là tiền chủ xe chuyển trả lãi tiền vay.

Thực tế chiếc xe ô tô BKS 83A-028.98 do ông Lý Hoàng T3 mua và đăng ký sở hữu năm 2019. Ngày 05/6/2019, ông T3 đã thế chấp xe vay tiền tại Ngân hàng TMCP Q1 - CN G - PGD quận F, thành phố Hồ Chí Minh (VIB quận F). Đến ngày 28/3/2020, T3 tiếp tục mang xe cầm cố tại cơ sở dịch vụ cầm đồ “Thành Trung” ở địa chỉ A V, xã V, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh lấy số tiền 150.000.000 đồng. Hết thời hạn cầm cố nhưng không có tiền nên T3 chưa chuộc lại xe. Cơ sở cầm đồ “Thành Trung” sau đó đã thanh lý chiếc xe này cho người khác (không xác định được lai lịch). T3 không biết Hoàng Thị Kim T là ai cũng như không có bất kỳ giao dịch, chuyển nhượng gì với T liên quan đến chiếc xe ô tô BKS 83A-028.98. T khai mua xe này của một người ở Đồng Nai, thuộc nhóm “Hội mua bán xe Ngân - Lào - Campuchia” (không rõ nhân thân lai lịch người này).

Đến ngày 16/11/2020, T nói dối với H có ông Đặng Thái S1 cần thuê xe này để làm phương tiện đi lại, giá thuê mỗi tháng 10.000.000 đồng, H đồng ý và giao xe cho T cùng với bản sao đăng ký, bản chính đăng kiểm xe. T đưa cho H “Hợp đồng cho thuê xe” (cùng mẫu với hợp đồng cho thuê xe nêu trên), cuối hợp đồng T nhờ người khác ký giả và ghi tên Đặng Thái S1. Chiếc xe này T đã bán cho một người tên “Bằng” ở thành phố Hồ Chí Minh (không xác định được nhân thân, lai lịch) với giá 220.000.000 đồng. T đưa cho H 20.000.000 đồng tiền thuê xe.

Như vậy, Hoàng Thị Kim T đã chiếm đoạt của Văn Thị Thu H số tiền 284.000.000 đồng.

- *Chiếc thứ hai:* Trước 30/8/2020 vài ngày, T nói dối với H có ông Trần Văn T4 cần vay số tiền 420.000.000 đồng, sẽ giao xe ô tô biển số 60A-732.39, nhãn hiệu Honda Civic; đồng thời T đưa hình ảnh xe cho H xem, H tin là thật nên đồng ý. Ngày 30/8/2020, T mang giao chiếc xe trên cho H, kèm theo bản sao đăng ký, bản chính đăng kiểm xe, “Hợp đồng cho vay” và “Hợp đồng cho thuê xe” được lập theo dạng viết vào mẫu in sẵn. Hợp đồng cho vay ghi ngày 30/8/2020, người vay: Trần Văn T4; số tiền cho vay 420 triệu đồng. Sau khi trừ tiền lãi vay của tháng đầu 25.200.000 đồng ($420 \text{ triệu đồng} \times 6\%/\text{tháng} = 25.200.000 \text{ đồng}$), H đã đưa cho T số tiền 394.800.000 đồng. Thời gian sau đó, T đưa cho H thêm 25.200.000 đồng, T nói dối đó là tiền chủ xe chuyển trả lãi tiền vay tháng thứ 2.

Thực tế chiếc xe ô tô BKS 60A-732.39 do ông Trần Văn T4 mua và đăng ký sở hữu. Tuy nhiên, đến nay chưa xác định được ông T4 ở đâu nên Cơ quan điều tra chưa làm rõ được quá trình T4 mua, đăng ký, sử dụng xe như thế nào, nhưng đã xác định T không biết cũng như không có quan hệ, giao dịch mua bán, chuyển nhượng xe từ T4. Chiếc xe này T khai mua lại của 01 người trong nhóm “Hội mua bán xe N - Lào - Campuchia” tại thành phố Hồ Chí Minh và nhờ Nguyễn Tiến H1 giao dịch chuyển tiền, nhận xe giúp cho T. H1 có hỏi T mua xe làm gì thì T nói mua xe để đi lại.

Đến ngày 25/10/2020, T tiếp tục nói dối với H có ông Hồ Tấn T5 cần thuê xe này để làm phương tiện đi lại, giá thuê mỗi tháng 15.000.000 đồng, H đồng ý và giao xe cho T cùng với bản sao đăng ký, bản chính đăng kiểm xe. T đưa cho H “Hợp đồng cho thuê xe” có chữ ký của Hồ Tấn T5 do T nhờ người khác ký giả. Về tiền thuê xe, T đưa cho H 30.000.000 đồng cho thời gian 02 tháng. T vẫn nói với H đó là tiền do T5 đưa cho T để T đưa cho H. Chiếc xe này T đã bán cho người khác.

Như vậy, Hoàng Thị Kim T đã chiếm đoạt của Văn Thị Thu H số tiền 339.600.000 đồng.

- *Chiếc thứ ba:* Trước 03/9/2020 vài ngày, T nói dối với H có ông Phạm Hồng S cần vay số tiền 385.000.000 đồng, sẽ giao xe ô tô biển số 47A-24347, nhãn hiệu Mitsubishi Outlander, đồng thời T đưa hình ảnh xe cho H xem thì H đồng ý. Ngày 03/9/2020, T mang giao chiếc xe trên cho H, kèm theo bản sao đăng ký, bản chính đăng kiểm xe, “Hợp đồng cho vay” và “Hợp đồng cho thuê xe”. Cùng ngày 03/9/2020, T nói cho Phạm Hồng S thuê xe trên và lập Hợp đồng cho thuê xe. Sau khi trừ tiền lãi vay của tháng đầu 23.000.000 đồng ($385 \text{ triệu} \times 6\%/\text{tháng} = 23.100.000 \text{ đồng}$), H đã đưa cho T số tiền 362.000.000 đồng. Thời gian sau đó, T đưa cho H thêm 1 lần số tiền 23.000.000 đồng và T nói dối đó là tiền chủ xe chuyển trả lãi tiền vay tháng thứ 2.

Thực tế chiếc xe ô tô BKS 47A-243.47 của ông Phạm Hồng S. Năm 2019 ông S đã thế chấp xe vay tiền tại S2 chi nhánh K1. Đến khoảng tháng 4 năm 2019 S tiếp tục mang xe cầm cố cho người tên “K” (không rõ lai lịch) tại thành phố B lấy số tiền 200.000.000đ; sau đó do không có tiền nên đến nay S vẫn chưa chuộc lại xe. S không biết Hoàng Thị Kim T là ai cũng như không có bất kỳ giao dịch, chuyển nhượng xe cho T. Chiếc xe này T mua lại của 01 người trong nhóm “Hội mua bán xe N - Lào - Campuchia” tại thành phố Hà Nội và nhờ Nguyễn Tiến H1 giao dịch chuyển tiền, nhận xe giúp cho T.

Đến ngày 25/09/2020, T nói dối với H có ông Nguyễn Tiến H1 cần thuê xe này để làm phương tiện đi lại, giá thuê mỗi tháng 15 triệu đồng. H đồng ý và giao xe cho T cùng với bản sao đăng ký, bản chính đăng kiểm xe. T đưa cho H “Hợp đồng cho thuê xe” và nhờ người khác ký tên Nguyễn Tiến H1. T đưa cho H 30 triệu đồng tiền thuê xe cho thời gian 02 tháng. Chiếc xe này T đã bán lại.

Như vậy, Hoàng Thị Kim T đã chiếm đoạt của Văn Thị Thu H số tiền 309.000.000 đồng.

Tổng cộng Hoàng Thị Kim T đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của Văn Thị Thu H 03 lần với tổng số tiền là: 284.000.000 đồng + 339.600.000 đồng + 309.000.000 đồng = 932.600.000 đồng.

Ngoài ra, Hoàng Thị Kim T còn giao 02 chiếc xe ô tô biển số 60A-701.64 và 51H-189.81 cho Văn Thị Thu H làm tin để lấy số tiền 1.000.000.000 đồng, nhưng trong quá trình cầm cố 02 chiếc xe ô tô này vẫn do H quản lý.

[2] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2024/HS-ST ngày 06-03-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

1. Tuyên bố: bị cáo Hoàng Thị Kim T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Căn cứ vào: Điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Hoàng Thị Kim T 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/11/2023, được trừ thời gian tạm giam ngày 07/9/2022 đến ngày 19/01/2023.

2. Bồi thường thiệt hại: Căn cứ Điều 48 BLHS.

Bị cáo Hoàng Thị Kim T phải hoàn trả cho chị Văn Thị Thu H số tiền 1.932.600.000 đồng, bị cáo đã hoàn trả 1.580.000.000 đồng, còn phải tiếp tục hoàn trả 352.600.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo, kháng nghị:

Ngày 12-3-2024 bị cáo Hoàng Thị Kim T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nêu lý do kháng cáo là hình phạt của cấp sơ thẩm quá nặng.

Ngày 20-3-2024 bà Văn Thị Thu H kháng cáo bản án sơ thẩm với các nội dung: mức hình phạt 12 năm tù đối với bị cáo là không phù hợp với người đã có tiền án nhưng vẫn phạm tội; xác định bị cáo lừa đảo số tiền 6.013.000.000 đồng, buộc bị cáo trả lại cho bà 350.000.000 đồng là số tiền của 02 chiếc xe Camri và CX5, yêu cầu làm rõ hành vi giúp sức của Nguyễn Tiến H1.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 19/2024/QĐ-VC2 ngày 29-3-2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng hủy bản án sơ thẩm để điều tra, truy tố lại theo quy định pháp luật.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Hoàng Thị Kim T giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ, đề nghị xem xét lại hành vi mà bản án sơ thẩm cho rằng bị cáo chiếm đoạt 1 tỉ đồng đối với 02 chiếc xe ô tô 60A-701.64 và 51H-189.81 vì 02 chiếc xe này là có thật và bị hại đang cầm cố xe, bị hại chưa bị thiệt hại; Bị cáo đã bồi thường phần lớn số tiền chiếm đoạt nên xin giảm hình phạt.

Bà Văn Thị Thu H giữ nguyên kháng cáo bản án sơ thẩm với các nội dung: xem xét lại mức hình phạt; xác định bị cáo lừa đảo số tiền 6.013.000.000 đồng,

buộc bị cáo trả lại cho bà 350.000.000 đồng là số tiền của 02 chiếc xe Camri và CX5, yêu cầu làm rõ hành vi giúp sức của Nguyễn Tiến H1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận Kháng nghị, hủy bản án hình sự sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định để điều tra, truy tố lại từ đầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xem xét hành vi phạm tội:

Bị cáo Hoàng Thị Kim T đã có hành vi nói dối với bị hại Văn Thị Thu H là có người cần vay tiền, sẽ thế chấp xe làm cho H tin là thật đã đưa tiền cho T. Sau khi H nhận được xe, T nói dối có người cần thuê xe nên T giả chữ ký trên các hợp đồng thuê xe đưa cho H. H tin là thật giao xe cho T thì T đem bán chiếm đoạt tiền của H. Với phương thức phạm tội như trên bị cáo T đã chiếm đoạt của H với tổng số tiền 932.600.000 đồng. Trên cơ sở chiếm đoạt số tiền 932.600.000 đồng này của bị cáo, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đã truy tố bị cáo Hoàng Thị Kim T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với 02 chiếc xe 60A-70164 và 51H-18981: Bị cáo Hoàng Thị Kim T có hành vi dùng thủ đoạn dối với bị hại giống với thủ đoạn như 03 chiếc xe ô tô bị cáo đã bị truy tố là: Bị cáo nói dối là biết những người chính chủ xe ô tô đã thế chấp bản chính giấy đăng ký xe vay tiền Ngân hàng, hiện còn giữ xe ô tô và bản chính giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật, bản sao giấy đăng ký xe muốn vay tiền và nói bị hại cho vay. Bị hại tin nên đã đưa cho bị cáo T 1.000.000.000đ để nhận cầm cố 02 chiếc xe 60A-70164 và 51H-18981. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại H và bị cáo thừa nhận trước đây tại Cơ quan điều tra bị hại và gia đình bị cáo đã thống nhất hoàn trả lại cho nhau các tài sản như ban đầu nhưng gia đình bị cáo chỉ trả cho bị hại 650.000.000 đồng, còn 350.000.000đ bị cáo chưa trả, đây cũng là số tiền mà bị hại đề nghị bị cáo tiếp tục trả trong kháng cáo. Hành vi này Bản án sơ thẩm nhận định là hành vi phạm tội chiếm đoạt 1tỷ đồng của bị hại nên đã quyết định bị cáo phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, với tổng số tiền 1.932.600.000đ (932.600.000đ + 1.000.000.000đ).

Tuy nhiên, Viện kiểm sát chỉ truy tố bị cáo T phạm tội với số tiền chiếm đoạt 932.600.000đ. Còn đối với hành vi cho rằng bị cáo chiếm đoạt 01 tỉ đồng trong việc cầm cố 02 xe ô tô 60A-70164 và 51H-18981 là hành vi độc lập với các hành vi đã điều tra truy tố, nhưng chưa được truy tố để đưa ra Tòa án xét xử, Bản án sơ thẩm quyết định đây là hành vi phạm tội của bị cáo là vượt quá giới hạn xét xử, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ. Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, giao trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định để điều tra, truy tố lại theo quy định pháp luật.

[2] Đối với các khoản nợ với tổng số tiền 6.013.000.000đ mà Văn Thị Thu H nhấn tin chót nợ với Hoàng Thị Kim T vào ngày 24/12/2020: Số tiền này có nguồn gốc từ các khoản Thoa vay tiền của H (cả các khoản có giấy mượn tiền và các khoản không có giấy mượn tiền như H tố giác) và đã được hai bên đối chiếu, cân trừ, cộng dồn và đồng ý thống nhất chuyển thành vốn góp mua bán hàng hóa, không xác định thời hạn hoàn trả nên không có cơ sở cho rằng T sử dụng tiền đó vào mục đích bất hợp pháp hoặc T có sử dụng thủ đoạn gian dối gì khi vay tiền; do đó không có căn cứ xác định T lừa đảo chiếm đoạt số tiền trên của H nên Bản án sơ thẩm đã xác định khoản nợ tiền này là giao dịch dân sự.

[3] Nguyễn Tiến H1 có hành vi giúp sức cho Hoàng Thị Kim T trực tiếp giao nhận các xe ô tô là phương tiện bị cáo sử dụng để phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại Văn Thị Thu H, nhưng H1 không biết mục đích, động cơ phạm tội của T nên Bản án sơ thẩm đã xác định không đồng phạm với T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

[4] Do hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại nên không xem xét các kháng cáo về hình phạt; các nội dung kháng cáo của bị hại, cũng như các vấn đề về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí sẽ được xem xét trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm lại. Bị cáo kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng nghị phúc thẩm số 19/2024/QĐ-VC2 ngày 29-3-2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, hủy Bản án hình sự sơ thẩm 15/2024/HS-ST ngày 06-03-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định để điều tra lại theo đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Định.
- TAND tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Bình Định;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Định;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long